

Bản án số: 29/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Tấn Đạt và ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: **Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Chỗ ở hiện nay: **Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Ninh T1**, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: **Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Hà Thị T** trình bày:

Bà và ông **Nguyễn Ninh T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã **X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 143/2015, ngày 27/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Đồng Nai đến năm 2020 thì vợ chồng chuyển về sống chung với gia đình bà ở **thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên** được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, ông **T1** vay tiền không nói cho bà biết, bà nhiều lần khuyên nhưng ông **T1** cũng không thay đổi. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay ông **T1** chuyển về nhà cha mẹ chồng ở **thôn A, xã X, huyện N** sống cho đến nay. Thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, không ai đặt vấn đề vợ chồng chờ về chung sống đoàn tụ. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **T1**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông **Nguyễn Ninh T1** nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông **Đạo Minh V** đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông **Đạo Minh V** đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hà Thị T** và ông **Nguyễn Ninh T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 143/2015, ngày 27/7/2015 đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nguyên đơn bà **Hà Thị T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, bị đơn ông **Nguyễn Ninh T1** vắng mặt không có lý do.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Theo lời trình bày của bà Hà Thị T, biên bản xác minh chính quyền địa phương ngày 09/5/2024 thể hiện vợ chồng bà Hà Thị T và ông Nguyễn Ninh T1 quá trình chung sống có mâu thuẫn, từ năm 2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung, quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Mặt khác quá trình giải quyết ông T1 biết việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện ông Nguyễn Ninh T1 không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị T.

[2.3] Về con chung: Không có.

[3] Tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T.

1. Về hôn nhân: Bà Hà Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Ninh T1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Hà Thị T** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002362 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Bà **Hà Thị T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- UBND xã Xuân Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn

Huỳnh Tấn Đạt

Đỗ Thị Lan